

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09/9/2021

"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con "

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Hữu Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Vũ Đức Bính

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2021/TLST-HNGĐ ngày 27/4/2021 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐST - HNGĐ ngày 05/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1988; ĐKKH: xóm 8, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ở hiện nay: Xóm 14A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm 1980; ĐKKHKT và nơi ở : Xóm 8, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: có mặt chị D, vắng mặt anh K lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn xin ly hôn ngày 26/4/2021 được bổ sung tại bản tự khai ngày 27/4/2021, nguyên đơn chị Đỗ Thị D trình bày: Chị và anh Trần Văn K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình ngày 12/8/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 8, xã L, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng với nhau về lối sống và quan điểm làm ăn do đó vợ chồng thường xảy ra xô sát, cãi vã, mặc dù chị đã cố gắng khắc phục và gia đình cũng đó động viên nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà ngày một căng thẳng hơn, vợ chồng đó sống ly thân nhiều lần nhưng vì con cái và được hai bên nội ngoại khuyên giải nên chị đó bỏ qua bất đồng trở về chung sống, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng chỉ trên danh

nghĩa mà không có hạnh phúc. Đến cuối năm 2020 vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nặng nề, anh K đuổi đánh chị và đốt hết quần áo của chị vì vậy chị đó về nhà bố mẹ để sinh sống, vợ chồng ly thân nhau từ cuối năm 2020 đến nay mỗi người mỗi nơi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K để ổn định cuộc sống.

Về con: Chị xác định giữa chị và anh K có một người con chung là Trần Nhật Thảo N, sinh ngày 21/9/2014, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh K phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản: Chị D xác định vợ chồng tự giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án, anh Trần Văn K tại biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2021 và biên bản hứa giải xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn đúng như ý kiến của chị D trình bày. Về mâu thuẫn của vợ chồng anh xác định trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đó ly thân nhiều lần, nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt, mỗi lần chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh đều đi thăm xin lỗi và chị D lại quay trở về chung sống cùng anh. Vào cuối năm 2020 vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, xô xát, anh có đốt mấy chiếc áo khoác của chị D vì thế chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh cũng đó đến xin lỗi bố mẹ chị D và tìm đón chị D về nhưng chị D không về do đó vợ chồng đó sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay chị D xin ly hôn, anh không nhất trí. Trường hợp chị D kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu chị D đồng ý để anh được nuôi con thì anh sẽ nhất trí ly hôn.

Về con: Anh xác định vợ chồng có một người con chung như chị D đó trình bày, hiện con chung đang ở với chị D, nếu ly hôn, anh xin được nuôi con và yêu cầu chị D đóng góp tiền nuôi con cho anh.

Về tài sản: Anh xác định nếu ly hôn thì vợ chồng sẽ tự giải quyết phân chia tài sản cho nhau do đó anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K qua bài phát biểu tại phiên tòa thể hiện Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành theo quy định của pháp luật, còn bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, đồng thời đề xuất việc giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, đề xuất xử ly hôn giữa chị Đỗ Thị D với anh Trần Văn K. Giao con chung của vợ chồng cho chị D nuôi dưỡng và không buộc anh K phải đóng góp tiền nuôi con như sự tự nguyện của chị D.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[ 1 ] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị D và anh Trần Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L ngày 08/12/2008. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng với nhau về lối sống và quan điểm làm ăn do đó vợ chồng xảy ra xô sạt, cói vó lẫn nhau; vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân, sau đó được mọi người khuyên giải lại quay về chung sống. Cuối năm 2020 vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, anh K đánh chửi và đốt quần áo của chị D vì vậy chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được ly hôn với anh K để ổn định cuộc sống. Về phía anh K mặc dù thừa nhận vợ chồng nhiều lần phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân sau đó được mọi người khuyên giải, giúp đỡ nên quay lại chung sống và từ cuối năm 2020 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn đã sống ly thân từ đó đến nay, nhưng anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên anh không có biện pháp gỡ giải quyết mâu thuẫn nhằm cải thiện tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải giữa các bên rất nhiều lần nhằm tháo gỡ những mâu thuẫn nhưng anh K không hợp tác, có ý bỏ mặc, vì vậy việc hòa giải không có kết quả.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị D và anh K tại UBND xã L là nơi vợ chồng có đăng ký hộ khẩu và sinh sống, chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng chị D, anh K xảy ra mâu thuẫn đã nhiều lần sống ly thân và từ cuối năm 2020 đến nay họ tiếp tục sống ly thân mỗi người một nơi.

Từ những căn cứ đó Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng giữa chị D và anh K đã có nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, xô xát và sống ly thân, nay mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh K là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

[ 2 ] Về con: Vợ chồng có một người con là Trần Nhật Thảo N, sinh ngày 21/9/2014, từ khi vợ chồng ly thân thì con chung ở với mẹ. Nay chị D đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh K phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị; anh K cũng xin nhận nuôi con và yêu cầu chị D đóng góp tiền nuôi con cho anh. HĐXX xét thấy: hiện cháu Thảo N đang do chị D nuôi dưỡng, chị D lại cung cấp được chứng cứ về thu nhập đủ đảm bảo chăm sóc cho con, đồng thời cháu Thảo N là con gái nên ở với mẹ sẽ phù hợp hơn, vì vậy cần chấp nhận đề nghị của chị D, giao chị D nuôi dưỡng con chung của vợ chồng và không buộc anh K phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con như sự tự nguyện của chị D là phù hợp.

[ 3 ] Chị D và anh K xác định vợ chồng tự phân chia tài sản, không yêu cầu giải quyết vì vậy, HĐXX không xem xét.

[ 4 ] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.  
Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 144, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị D với anh Trần Văn K .

2. Giao chị D nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là là Trần Nhật Thảo N, sinh ngày 21/9/2014, anh K không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị D; không bên nào được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị D phải nộp 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2575 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Diệu có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Khoa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Hữu Mạnh**